

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2020/DS-ST**

Ngày: 12/6/2020

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Hưng**

Bà **Nguyễn Thị Như Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lệ Phương** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thùy Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D

Trụ sở: Số, phố N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đ.T.S** - Chủ tịch Hội đồng thành viên. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **N.A.T** - Tổng Giám đốc, ông **T.T.D** - Phó Tổng Giám đốc, theo Văn bản ủy quyền số 190/2017/UQ-NĐDPL ngày 07/4/2017. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **T.T.T** - Giám đốc Phòng Giao dịch L, ông **P.T.L** - Phó Giám đốc Phòng Giao dịch L, ông **N.T.H** - Giám đốc Khách hàng bán lẻ, ông **L.N.Đ**, bà **N.T.V**, bà **N.T.T** - Chuyên viên, theo Văn bản ủy quyền số 505/2019/UQ-XXXXX.05.02 ngày 07/11/2019. - *Có mặt ông H.*

2. Bị đơn: Anh T.Đ.L, sinh năm 1988. - Có mặt.

Nơi cư trú: Số, phố B, phường B (nay là phường N), quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 11/11/2019, Bản tự khai ngày 20/5/2020, 27/5/2020, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là **Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D** trình bày:

Ngày 17/7/2014, anh T.Đ.L ký Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Visa O.B gửi Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.D (O.B), nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D, với nội dung: Hạn mức thẻ là 30.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức là 18 tháng, lãi suất quá hạn tính từ ngày phát sinh giao dịch là 24%/năm, kèm theo là bản Điều kiện, điều khoản sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Visa O.B. Ngày 22/7/2014, anh L đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng quốc tế Visa O.B, mã số và sử dụng thẻ từ ngày 01/8/2014. Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 27/02/2015, anh L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán số tiền tối thiểu hàng tháng. Từ ngày 27/02/2015 đến ngày 29/6/2015, anh L tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán số tiền đã giao dịch, nên đến ngày 30/6/2015 Ngân hàng đã chuyển số tiền 32.680.569 đồng (gồm tiền giao dịch là 30.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn trong thời gian sử dụng thẻ là 2.680.569 đồng) thành khoản vay bắt buộc và khóa thẻ tín dụng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án:

- Buộc anh T.Đ.L thanh toán toàn bộ số tiền gốc, lãi phạt phát sinh theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Visa O.B ngày 17/7/2014 tạm tính đến ngày 27/5/2020 là 91.374.864 đồng, trong đó nợ gốc là 32.680.569 đồng, tiền lãi quá hạn là 58.694.295 đồng (theo lãi suất 24%/năm) và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày anh L thanh toán được toàn bộ khoản vay.

- Trường hợp anh L không trả được nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo (nếu có).

- Trường hợp số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ trả nợ và các chi phí phát sinh khác (nếu có), anh L vẫn nhận nợ số tiền còn thiếu và tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tại Bản tự khai ngày 12/5/2020, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn là anh **T.Đ.L** trình bày:

Anh xác nhận việc đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Visa O.B và quá

trình sử dụng thẻ như Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D trình bày là đúng. Anh chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc theo đúng hạn mức tín dụng được cấp là 30.000.000 đồng và trả dần hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng. Anh không đồng ý trả số tiền lãi quá hạn với lý do: Tại thời điểm anh nộp đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động, Ngân hàng không giải quyết các thủ tục khi chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, anh không đủ điều kiện để nộp hồ sơ xin việc tại các ngân hàng khác, không được hưởng trợ cấp thất nghiệp và đến nay anh vẫn chưa xin được việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn là cử nhân kế toán. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh không khởi kiện vụ án lao động về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với Ngân hàng Đ.D.

Tại phiên tòa, Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc anh L thanh toán toàn bộ số tiền gốc, lãi, phạt phát sinh tính đến ngày 12/6/2020 là 86.980.578 đồng, trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 2.492.430 đồng, tiền phạt chậm trả là 188.148 đồng, tiền lãi quá hạn là 54.300.000 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày anh L thanh toán được toàn bộ khoản vay. Anh L chỉ đồng ý trả dần 30.000.000 đồng nợ gốc, không đồng ý trả khoản tiền còn lại.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D, buộc anh L phải trả số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với anh T.Đ.L, cư trú tại số, phố B, phường B (nay là phường N), quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng tín dụng: Ngày 17/7/2014, anh T.Đ.L ký văn bản đề nghị Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.D - Chi nhánh H - Phòng giao dịch L (nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D) phát hành thẻ tín dụng quốc tế, loại tín chấp. Cùng ngày, Ngân hàng đã đồng ý phát hành thẻ tín dụng quốc tế cho anh L, với hạn mức tín dụng thẻ là 30.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức từ ngày 17/7/2014 đến ngày 16/01/2016. Kèm theo Đề nghị phát hành thẻ được xét duyệt là Điều kiện, điều khoản sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Visa O.B, với các nội dung chính gồm: Lãi suất cho vay được áp dụng theo quy định của O.B trong từng thời kỳ, được điều chỉnh theo quy định của O.B và được cập nhật, công bố trên website. Nếu chủ thẻ tiếp tục sử dụng thẻ sau thời điểm thay đổi lãi suất cho vay thì được xem là đồng ý việc điều chỉnh lãi suất đó. Theo Quyết định số 01B/2013/QĐ-CT ngày 04/01/2013 của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.D, lãi suất cho vay VND thông qua hình thức phát hành thẻ Visa là 24%/năm. Với giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ: Khi đến hạn thanh toán, nếu chủ thẻ trả toàn bộ dư nợ cuối kỳ thì O.B sẽ miễn lãi cho toàn bộ giao dịch trong kỳ. Khi đến hạn thanh toán, nếu chủ thẻ không thanh toán hay chỉ thanh toán một phần dư nợ cuối kỳ, O.B sẽ tính lãi tất cả các giao dịch kể từ ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý thẻ đến ngày chủ thẻ trả nợ, giá trị còn lại chưa thanh toán sẽ tiếp tục được tính lãi cho đến khi thanh toán. Với giao dịch rút tiền mặt, ứng tiền mặt, chuyển khoản sẽ bị tính lãi từ ngày thực hiện giao dịch đến ngày chủ thẻ thanh toán toàn bộ số tiền giao dịch. Tiền lãi hàng ngày = Số dư chịu lãi vay x lãi suất cho vay theo năm/360. Tiền lãi hàng tháng = Tổng tiền lãi của các ngày trong kỳ sao kê. Phạt chậm trả: Nếu đến hạn thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền ít hơn giá trị thanh toán tối thiểu mà O.B yêu cầu thì phải chịu mức phạt chậm trả tính trên giá trị thanh toán tối thiểu chưa thanh toán. Mức phạt theo quy định của O.B trong từng thời kỳ. Theo Quyết định số 363/2012/QĐ-CT ngày 19/7/2012 của Ngân hàng thương mại cổ Đ.D, mức phạt chậm trả là 4% giá trị thanh toán tối thiểu chưa thanh toán (tối thiểu 50.000 đồng). Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch, lãi, phí, phạt (nếu có). Hàng tháng, O.B gửi sao kê các khoản chi tiêu, ứng tiền mặt, phí, lãi, phạt (nếu có). Sau khi nhận được sao kê và yêu cầu thanh toán, chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán số tiền đã chi tiêu trong kỳ sao kê, phải thanh toán giá trị thanh toán tối thiểu chậm nhất vào ngày đến hạn thanh toán giá trị tối thiểu. Thứ tự thanh toán nợ: Lãi, phí, giao dịch rút tiền

mặt, giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ và theo thứ tự ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống. Sau 45 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán giá trị tối thiểu, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn giá trị thanh toán tối thiểu, hệ thống sẽ tạm thời khóa thẻ. Sau 3 kỳ sao kê liền sau kỳ chậm thanh toán, nếu chủ thẻ chưa thực hiện thanh toán hoặc thực hiện thanh toán với giá trị thấp hơn giá trị thanh toán tối thiểu, O.B được quyền tiến hành các thủ tục thu hồi nợ và xử lý tài sản bảo đảm ngay tại ngày làm việc đầu tiên sau thời điểm trên. Tất cả thẻ sẽ bị chấm dứt sử dụng vĩnh viễn. Trường hợp hết thời hạn hiệu lực thẻ hoặc đến ngày hết thời hạn duy trì hạn mức tín dụng thẻ, mà chủ thẻ không đề nghị gia hạn, nếu chủ thẻ không trả toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng, hệ thống khóa vĩnh viễn các thẻ chưa đến hạn (nếu có), O.B sẽ chuyển toàn bộ dư nợ chưa thanh toán sang nợ quá hạn. Xét việc hai bên xác lập hợp đồng tín dụng có nội dung nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[3] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Ngày 22/7/2014, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.D cấp cho anh T.Đ.L thẻ tín dụng quốc tế Visa O.B. Theo Sổ phụ tài khoản, anh L sử dụng thẻ từ ngày 01/8/2014, số dư là 30.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, anh L đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ, có 07 lần bị phạt chậm thanh toán số tiền tối thiểu hàng tháng với tổng số tiền là 420.219 đồng và có 10 lần bị O.B tính lãi do chỉ thanh toán một phần dư nợ cuối kỳ với tổng số tiền là 6.346.270 đồng. Trong 04 kỳ sao kê từ ngày 27/02/2015 đến ngày 29/6/2015, anh L tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán số tiền đã giao dịch, tiền lãi, phạt chậm trả, nên đến ngày 30/6/2015 Ngân hàng đã xác định tổng số tiền anh L phải trả gồm: 94.967.873 đồng (Tổng số tiền giao dịch) + 6.346.270 đồng (Tổng tiền lãi) + 420.219 đồng (Tổng tiền phạt chậm trả) - 69.053.800 đồng (Tổng số tiền đã thanh toán) = 32.680.569 đồng. Từ ngày 30/6/2015, Ngân hàng chuyển số tiền 32.680.569 đồng (gồm 30.000.000 đồng tiền giao dịch, 2.492.430 đồng tiền lãi trong hạn và 188.148 đồng tiền phạt chậm trả trong thời gian sử dụng thẻ) thành khoản vay bắt buộc và khóa thẻ tín dụng. Nay Ngân hàng yêu cầu anh L trả số nợ gốc là 30.000.000 đồng, anh L xác nhận nợ gốc, đề nghị trả mỗi tháng 3.000.000 đồng, nhưng Ngân hàng không đồng ý. Căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D, buộc anh L thanh toán cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D số nợ gốc là 30.000.000 đồng.

[4] Về yêu cầu đòi tiền lãi, phạt chậm trả: Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D yêu cầu anh T.Đ.L trả tiền lãi trong hạn là 2.492.430 đồng, tiền phạt chậm trả trong thời gian sử dụng thẻ là 188.148 đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày chấm dứt sử dụng thẻ 30/6/2015 đến ngày 12/6/2020 là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 24\%/360 \times 150\% \times 1.810 \text{ ngày} = 54.300.000 \text{ đồng}$. Tòa án kiểm tra xác định Ngân hàng tính tiền lãi trong hạn, tiền phạt chậm trả và tiền lãi quá hạn đúng thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng tín dụng. Anh L không đồng ý trả tiền với lý do Ngân hàng không giải quyết các thủ tục khi chấm dứt hợp đồng lao động. Xét thấy, đó không phải là căn cứ chấm dứt nghĩa vụ của anh L đối với Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 11 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, điểm c khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D, buộc anh L thanh toán số tiền lãi, phạt tính đến ngày 12/6/2020 gồm: Tiền lãi trong hạn là 2.492.430 đồng, tiền phạt chậm trả là 188.148 đồng và tiền lãi quá hạn là 54.300.000 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh L còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo, Tòa án trả lại Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.123.000 đồng, anh T.Đ.L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.349.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14, 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D về việc đòi anh T.Đ.L trả số tiền nợ phát sinh theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Visa O.B ngày 17/7/2014. Buộc anh T.Đ.L trả Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D các khoản tiền tính đến ngày 12/6/2020 gồm: Nợ gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.492.430 đồng, tiền phạt chậm trả là 188.148 đồng, tiền lãi quá hạn là 54.300.000 đồng, tổng là 86.980.578 đồng (Tám mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi nghìn, năm trăm bảy mươi tám đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Trả lại Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.123.000 đồng (Hai triệu, một trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003445 ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3.2. Anh T.Đ.L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.349.000 đồng (Bốn triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đ.D, anh T.Đ.L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Nam